

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2020/HS-ST

Ngày: 29/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng

2. Bà Lê Thị Xuân Lang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Phan Trung Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 29/7/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 311/2020/HSST ngày 04/6/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 3442/2020/QĐXXST-HS ngày 13/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thái A**; giới tính: nam; sinh ngày 21/3/1993 tại tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên là Công an; nơi đăng ký thường trú: xã B, thành phố C, tỉnh Nghệ An; con ông Phạm Hồng D và bà Nguyễn Thị E; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không)

Bắt, tạm giam: 20/12/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng G**; giới tính: nam; sinh ngày 15/11/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nguyên là Bảo vệ tổ dân phố; nơi đăng ký thường trú: Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; con ông

Nguyễn Tài K và bà Nguyễn Thị L; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Huỳnh Thanh M, chưa có con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 20/12/2019;

Được thay đổi biện pháp Tạm giam bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú: 27/5/2020.

Thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 5 tháng 8 ngày.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo G: Ông Nguyễn Phi Hòa, luật sư Công ty luật Hợp danh HCM, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại: Anh Chu Hữu U; sinh năm 1999; nơi cư trú: quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/12/2019, thực hiện sự phân công của Ban chỉ huy Công an Phường H, quận I, Phạm Thái A (nguyên là Thiếu úy, Công an Phường H, quận I) và 03 bảo vệ dân phố là Trương Văn O, Võ Đạt P, Huỳnh Q, cùng 03 người dân là Quách Huỳnh Anh R, Nguyễn Hải S và Nguyễn Hồng T đi tuần bằng xe máy trên địa bàn Phường H, quận I. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi tuần tra trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh thì A phát hiện anh Chu Hữu U điều khiển xe máy Yamaha Exciter 150 biển số 67E1-317.88 lưu thông trên đường, xe đã thay đổi hình dáng, kết cấu nên A ra hiệu cho anh U dừng xe lại để kiểm tra hành chính. Sau đó, A mời anh U về trụ sở Công an Phường H, quận I để làm việc. Vào khoảng 21 giờ 52 phút cùng, ở tại trụ sở Công an Phường H, quận I, A yêu cầu anh U mở cốp xe Yamaha Exciter 150 biển số 67E1-317.88 để kiểm tra nhưng không không phát hiện có gì bất thường. A tiếp tục yêu cầu Thịnh và Tú kiểm tra giỏ xách của anh U thì phát hiện trong giỏ xách có 1 con xép bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm. Do vậy, A và G đưa anh U vào trong Phòng làm việc của Tổ phòng chống tội phạm để làm việc; còn những người khác thì ở ngoài. Khi tiến hành kiểm tra điện thoại của anh U, thấy có hình ảnh anh U xăm mình và cầm kiếm nên G cầm con dao xép gi vào người anh U và hỏi “Con dao này đâm có chết không”; đồng thời G có đánh anh U một bạt tai. Sau đó, A yêu cầu anh U làm tường trình và nói với anh U rằng theo Nghị định 167 năm 2013 của Chính Phủ thì anh U sẽ bị xử phạt hành chính từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ về hành vi tàng trữ vũ khí thô sơ. Đồng thời, A bảo anh U báo

cho cha mẹ mang tiền đến nộp phạt. Vì sợ gia đình biết nên anh U nói với A rằng đừng để cho gia đình anh U biết, anh U sẽ tự nộp phạt; đồng thời anh U nhờ A giúp anh U không bị xử lý hành chính, U sẽ đưa cho anh A 10.000.000đ, A đồng ý. Nhưng vì không có tiền nên anh U nói sẽ về nhà tìm lo số tiền 10.000.000đ để đưa cho A. Do sợ anh U không quay lại đưa tiền nên A bảo anh U viết “Giấy mua bán xe” có nội dung anh U bán cho G chiếc Yamaha Exciter 150 biển số 67E1-317.88 với giá 15.000.000đ, khi nào U đưa tiền thì A sẽ trả xe. Sau đó, A cho anh U về và cho anh U số điện thoại của A (0879395979) để liên lạc, bảo anh U rằng phải đưa tiền cho A trước 11 giờ ngày 18/12/2019. A lấy con dao và giấy tờ xe của anh U cùng giấy bán xe do anh U viết cất vào tủ làm việc. Tiếp theo đó, A bảo G mang chiếc xe của anh U về nhà G cất giữ. Nhưng do G không đồng ý nên A bảo Quân mang xe về để ở nhà Quân, Quân đồng ý. Sau đó, A, G và Quân mang xe về nhà Quân tại địa chỉ 326 đường Điện Biên Phủ, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về phần anh U, sau khi về, anh U tìm cách kiếm số tiền 10.000.000đ để đưa cho A nhưng không có nên anh U kể lại cho người nhà biết. Người nhà anh U hướng dẫn anh U thu thập bằng chứng về việc A đòi tiền.

Khoảng 11 giờ ngày 18/12/2019, anh U gọi điện thoại cho A báo rằng anh U chỉ mượn được 8.500.000đ và xin A cho nộp số tiền đã nêu nhưng A không đồng ý, A yêu cầu phải đưa 9.000.000đ thì mới đồng ý. Anh U đã chủ động ghi âm lại nội dung nói chuyện với A để làm bằng chứng. Sau đó, anh U báo cho Thanh tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bl.269).

Trưa ngày 18/12/2019, anh U nhiều lần gọi điện cho A hẹn gặp để đưa tiền và lấy xe, A hẹn 17 giờ ngày 18/12/2019 sẽ gặp anh U tại trước cửa hàng Honda Phát Tiến, địa chỉ số 245 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận I.

Gần 17 giờ ngày 18/12/2019, A bảo G điều khiển xe máy biển số 37B2-917.91 (của A) đến điểm hẹn gặp anh U để chở anh U đi gặp A; còn A qua nhà Quân lấy chiếc xe của anh U mang qua nhà của G ở địa chỉ 226 đường Điện Biên Phủ, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 17 giờ ngày 18/12/2019, G tới điểm hẹn và gặp anh U. Khi anh U vừa lên xe cho G chở đi thì bị lực lượng Thanh tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mật phục, tiếp cận và mời cả hai về trụ sở Công an Phường H, quận I lập biên bản vụ việc (bl.269).

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thái A và Nguyễn Hoàng G khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số vật chứng như sau:

Thu giữ của A:

-01 con dao xếp dài 11,5cm;

-01 giấy đăng ký xe mô-tô, xe máy biển số 67E1-317.88 mang tên Chu Hữu U;

-01 “Giấy mua bán xe” giữa Chu Hữu U và bị cáo G;

-01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám đen, số Imei 355697077920274;

-01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imei 356771089612788;

Thu giữ của G:

-01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu vàng hồng;

-01 xe mô-tô hiệu Yamaha Exiter màu xanh bạc, biển số 67E1- 317.88.

Thu giữ của Công Phường H, quận I: 01 đầu thu dữ liệu Camera hiệu Escort Security System H.264, màu đen trắng có kích thước là 31cm x 22cm x 5cm.

Trích xuất thu giữ từ điện thoại của anh U: 07 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh U và A.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2455/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự cấp Thành phố kết luận chiếc xe máy hiệu Exciter 150 màu xanh lá cây biển số 67E1-317.88 tại thời điểm ngày 18/12/2019 có trị giá 26.600.000đ (bl.104-105).

Căn cứ kết luận giám định số 511/KLGD-TT ngày 24/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Chữ viết trên tài liệu “Giấy mua bán xe” là chữ viết của anh *Chu Hữu U*;

Chữ ký đứng tên “*Nguyễn Hoàng G*” trên tài liệu “Giấy mua bán xe” là chữ ký của Nguyễn Hoàng G.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho Công an Phường H, quận I đầu thu dữ liệu Camera hiệu Escort Security System H.264, màu đen trắng có kích thước là 31cm x 22cm x 5cm; giao trả cho anh U chiếc xe mô-tô hiệu Yamaha Exiter màu xanh bạc, biển số 67E1- 317.88 (bl.256-260).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Chu Hữu U đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường (bl.355-357).

Tại cáo trạng số 235/CT-VKS-P2 ngày 29/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của các bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

Xử phạt bị cáo Phạm Thái A từ 1 năm 6 tháng đến 2 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử lý vật chứng: Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 3 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo. Tịch thu tiêu hủy con dao xép.

Các bị cáo bào chữa như sau: Các bị cáo phạm tội lần đầu, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

Luật sư Nguyễn Phi Hòa bào chữa cho bị cáo G như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu, có tính nhất thời, chưa gây thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vai trò đồng phạm thứ yếu; có ông nội là liệt sỹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, xử phạt bị cáo bằng với thời hạn mà bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/12/2019, khi thực hiện hiện nhiệm vụ tuần tra theo sự phân công của Ban chỉ huy Công an phường 17, quận I, bị cáo Phạm Thái A (nguyên là Thiếu úy, Công an phường 17, quận I) và các thành viên trong tổ tuần tra (trong đó có Nguyễn Hoàng G là nhân viên bảo vệ khu

phố) phát hiện anh Chu Hữu U điều khiển xe mô-tô Yamaha Exciter 150 biển số 67E1-317.88 lưu thông trên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường H, quận I, xe có dấu hiệu thay đổi hình dáng, kết cấu nên A ra hiệu cho anh U dừng xe để kiểm tra hành chính và mời anh U về trụ sở Công an Phường H, quận I để làm việc. Tại trụ sở Công an Phường H, quận I, khi tiến hành kiểm tra thì phát hiện anh U có mang theo 1 con dao xếp bằng kim loại màu trắng dài 11,5cm nên A đã dọa anh U rằng anh U tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ nên có thể bị xử lý hành chính phạt tiền từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ. Nghe A nói như vậy, anh U lo sợ và gợi ý rằng anh U sẽ về nhà tìm 10.000.000đ đưa cho A, nhờ A đóng phạt và giúp anh U không bị xử phạt hành chính; A đồng ý. Tuy nhiên, vì sợ anh U không quay lại đưa tiền nên A yêu cầu anh U viết giấy bán cho G chiếc xe Yamaha Exciter 150 biển số 67E1-317.88 với giá 15.000.000đ để làm tin và nói rằng khi anh U giao tiền cho A thì A sẽ trả lại xe cho anh U.

Trong vụ án này, lúc đầu hành vi của A có tính chất lừa đảo, bởi lẽ: Theo quy định của Điều 3 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 thì con dao xếp mà anh U cất giữ không được xem là vũ khí thô sơ. Tuy nhiên, A lại nói với anh U rằng anh U tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ và theo quy định của Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ có thể bị phạt từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ. Vì không hiểu biết pháp luật nên anh U gợi ý đưa cho A 10.000.000đ, nhờ A giúp anh U không bị xử lý hành chính. A đồng ý. Nhưng vì sợ bị anh U không quay lại đưa tiền nên A yêu cầu anh U viết giấy bán xe cho G. Khi anh U đã viết “Giấy mua bán xe” giao cho A và khi anh U nói không có đủ số tiền 10.000.000đ đưa cho A, thì A lại dùng “Giấy mua bán xe” đã nêu để tạo áp lực với anh U, buộc anh U phải đưa tiền. Khi nói chuyện với anh U qua điện thoại, A đã nói với anh U rằng: căn cứ vào giấy bán xe do U viết và Giấy đăng ký xe do U giao, A có thể bán xe cho người khác. Như vậy, hành vi của A đã chuyển hóa từ lừa đảo sang cưỡng đoạt tài sản.

Bị cáo G là nhân viên bảo vệ khu phố, là người giúp sức cho A. Mặc dù giữa A và G không có thỏa thuận trước về việc thực hiện tội phạm, A cũng không hứa hẹn gì với G. Tuy nhiên, G nhận thức được việc làm của A là sai trái nhưng G vẫn làm theo sự chỉ đạo của A. Do vậy, G phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[3].Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất lòng tin của nhân dân đối với lực lượng công an nhân dân. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[4]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Đối với Phạm Thái A: Bị cáo là người chủ mưu. Mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là nghiêm trọng. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không đáng kể nên được áp dụng h và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Hoàng G: Bị cáo là người giữ vai trò giúp sức cho A; là người phụ thuộc và thực hiện theo sự chỉ đạo của A; mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là thấp hơn so với A. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không đáng kể; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có ông nội là liệt sỹ nên được áp dụng h và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng.

Bị cáo G là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, có khả năng tự cải tạo; mặt khác, bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam hơn 5 tháng. Việc bắt giam lại là không thật sự cần thiết. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng mà cho hưởng án treo.

[5]. Các nhận định đã nêu ở các phần trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần ý kiến bào chữa của luật sư và các bị cáo.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

Theo tài liệu có trong hồ sơ, anh U không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 3 chiếc định thoại đã thu giữ của các bị cáo: Là phương tiện phạm tội. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với con dao xếp dài 11,5cm thu giữ của anh U: là vật không sử dụng được. Do vậy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm c khoản 1 Điều 52, điểm h và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Phạm Thái A** 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ 20/12/2019.

2.Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng G** 1 (một) năm về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 (hai) năm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thẩm quyền có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này; trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc bị cáo phải chấp hành phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3.Áp dụng Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm a và c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Ghi nhận theo hồ sơ việc bị hại không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

-01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám đen, số Imei: 355697077920274;

-01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng, số Imei: 356771089612788;

-01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max màu vàng hồng, số Imei: 3572680944431808 và 357268094690247.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao xếp dài 11,5cm.

(Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản giao nhận tang tài vật lập ngày 23/6/2020 giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC01 Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

4.Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5.Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Đương sự; (1)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (21) (5)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân